

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3191 /STNMT-CCMT
V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17 của
mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu

Nam Định, ngày 06 tháng 11 năm 2018



Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 3217/TCMT-QLCT ngày 25/9/2018 của Tổng cục môi trường về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17 của xã nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 691/QĐ-TTg. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí 17 số đối với xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu như sau:

I. Đánh giá mức đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu:

Xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu đối với tiêu chí môi trường là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định và đáp ứng các tiêu chí môi trường như sau:

1.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt tại nguồn được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên

1.2. Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.

1.3. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng, câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

1.4. Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

1.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.

II. Cụ thể hóa nội dung đánh giá mức đạt tiêu chí môi trường

1.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt tại nguồn được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên

a) Yêu cầu

- 100% thôn xóm trên địa bàn xã có hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; 90% trở lên rác thải tại khu xử lý tập trung được phân loại, xử lý phù hợp.

- 50% trở lên chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp theo hướng tiết kiệm tài nguyên. Tại các khu vực công cộng của thôn/xóm tổ chức mô hình phân loại rác thải tại nguồn có bố trí thùng chứa 2

loại rác hữu cơ, vô cơ và được thu gom tách biệt để xử lý.

- 90% trở lên lượng vỏ bao bì thuốc BVTV được thu gom, xử lý đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

b) Căn cứ chứng minh

- Quy chế/quy định/đề án của xã về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; quy định mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và mức xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý rác thải trên địa bàn xã.

- Quyết định thành lập tổ, đội dịch vụ vệ sinh môi trường tổ chức thu gom rác thải.

- Hợp đồng giữa HTX hoặc tổ dịch vụ vệ sinh môi trường với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã về việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

- Bảng tổng hợp số liệu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, số liệu chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về khu xử lý.

- Số liệu về các hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn.

- Hợp đồng xử lý vỏ bao bì hóa chất BVTV với đơn vị có chức năng; khối lượng vỏ bao bì hóa chất BVTV được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường của khu xử lý rác thải tập trung (báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), đề án bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường tương đương được cấp có thẩm quyền.

- Báo cáo quan trắc, giám sát môi trường định kỳ đối với khu xử lý rác thải tập trung theo hồ sơ pháp lý về môi trường được phê duyệt, xác nhận.

- Kiểm tra thực tế.

1.2. Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.

a) Yêu cầu

- Tăng tỷ lệ các tuyến đường, ngõ đã được bê tông hoá hoặc rải đá cấp phối, có rãnh thoát nước đảm bảo không lầy lội, ngập úng khi có mưa.

- 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn, xóm được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.

- 70% trở lên số hộ thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây xanh phải được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông.

- 100% tỷ lệ nhà dân có bể tự hoại, đảm bảo không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường, cống rãnh thoát nước của địa phương.

- 70% khu dân cư tập trung có rãnh thoát nước chung.

- 60% trở lên khu dân cư nông thôn có thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đáp ứng QCVN 14: 2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Căn cứ chứng minh

- Bảng tổng hợp số liệu về các hộ đã cải tạo, chỉnh trang hàng rào, chưa chỉnh trang, cải tạo vườn, hàng rào.

- Bảng tổng hợp số tuyến đường xã, thôn được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.

- Bảng tổng hợp số liệu về tổng diện tích đường chính, ngõ đã bê tông/gạch hóa và diện tích đường chính, ngõ chưa được bê tông/gạch hóa.

- Bảng tổng hợp số liệu về rãnh thoát nước thải sinh hoạt chung của các thôn xóm, khu dân cư tập trung.

- Tổng hợp số liệu nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Kiểm tra thực tế.

1.3. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng, câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

a) Yêu cầu

- Có mô hình bảo vệ môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng đang hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Có câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

- Thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh môi trường, xử lý triệt để rác thải phát sinh trên địa bàn xã. Các thôn xóm định kỳ 1 lần/tuần, các xã định kỳ 2 lần/tháng tổ chức các đợt tổng vệ sinh trên địa bàn kết hợp trồng và chăm sóc cây, hoa ven đường tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp.

- Tối thiểu có 4 chương trình được tổ chức hàng năm (tương ứng với các ngày lễ, ngày môi trường thế giới,...).

b) Căn cứ chứng minh

- Quyết định thành lập hợp tác xã/tổ/đội dịch vụ thu gom rác thải, vệ sinh môi trường trên địa bàn xã.

- Số liệu về hợp tác xã/tổ/đội dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng đang hoạt động. Số lượng đơn vị đang hoạt động, mức độ tự chủ của đơn vị, mức độ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn và vệ sinh khu vực công cộng.

- Quyết định ban hành Đề án và Đề án quy định mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã.

- Số lượng câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường đang hoạt động, các chương trình hoạt động, mức tham gia của nhân dân.

- Số lượng các vụ việc phản ánh của người dân, truyền thông về bảo vệ môi trường đã nhận được; số vụ việc đã được giải quyết và chưa giải quyết.

1.4. Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

a) Yêu cầu

- 90% trở lên cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, chế biến thực phẩm trong khu dân cư không gây ô nhiễm môi trường.

- 100% khu sản xuất, kinh doanh tập trung chăn nuôi ngoài khu dân cư không gây ô nhiễm môi trường.

- Chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường khi đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước, cụ thể:

• Cách nhà ở, đường đi chung ít nhất 5m; phải có hố chứa phân, rác, thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

• Đối với chăn nuôi lợn: Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu là 100m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 01km (QCVN 01-14:2010/BNNPTNT).

• Đối với chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò, ngựa, dê): Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu là 200m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 500m (TCVN 9121:2012).

• Đối với chăn nuôi gia cầm: Cơ sở chăn nuôi gia cầm phải xây dựng các biệt, cách xa bệnh viện, trường học, chợ, công sở, khu dân cư đông người và đường giao thông liên tỉnh, liên huyện ít nhất 100m (QCVN 01-15:2010/BNNPTNT).

+ Được vệ sinh định kỳ đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

+ Không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

+ Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh như quy định tại chỉ tiêu 17.2.

+ Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi); không để chất thải chăn nuôi chưa xử lý xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

b) Căn cứ chứng minh

- Bảng tổng hợp số liệu cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi chế biến thực phẩm trong khu dân cư.

- Bảng tổng hợp số liệu cơ sở sản xuất, kinh doanh tập trung chăn nuôi ngoài khu dân cư

- Hồ sơ pháp lý về môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, chế biến thực phẩm thuộc đối tượng phải lập hồ sơ pháp lý về môi trường theo quy định.

- Số liệu cơ sở chưa đảm bảo về môi trường khi hoạt động.

- Kiểm tra thực tế.

1.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.

a) Yêu cầu

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ sở nuôi trồng thủy sản, làng nghề thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Có đầy đủ hồ sơ pháp lý về môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định (gồm: báo cáo ĐTM, đề án BVMT hoặc các hồ sơ pháp lý về môi trường tương đương)

+ Xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

+ Có các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường, nộp phí BVMT đối với nước thải theo quy định.

- Các làng nghề phải có phương án BVMT được UBND huyện phê duyệt, thành lập tổ tự quản về BVMT làng nghề.

- Xây dựng kế hoạch lộ trình từng bước đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng về BVMT làng nghề.

b) Căn cứ chứng minh

- Dữ liệu về thanh tra, kiểm tra các cơ sở trên địa bàn xã;

- Hồ sơ pháp lý về môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh (gồm báo cáo ĐTM, đề án BVMT, hoặc các hồ sơ pháp lý về môi trường tương đương).

- Báo cáo quan trắc, giám sát môi trường định kỳ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã.

- Quyết định phê duyệt phương án và phương án BVMT làng nghề.

- Quyết định thành lập tổ tự quản về BVMT làng nghề.

- Tổng hợp phản ánh của người dân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn, tiến độ khắc phục các tồn tại, vi phạm, kết quả xử lý ô nhiễm môi trường (nếu có).

- Kiểm tra thực tế.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về thực hiện tiêu chí số 17 đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu, đề nghị UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- VP ĐP NTM;
- Phòng TNMT các huyện, Tp;
- Lưu: VT, CCMT.



Phạm Văn Sơn